

A Diên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20 /2014/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giá được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Đồng Nai tại Công văn số 569/CN ngày 17 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

Đối tượng sử dụng	Khối lượng nước sử dụng 01 tháng	Đơn giá bán (Đồng/m³)
Các hộ dân cư	Từ 0 m ³ đến 10 m ³	5.800
	Từ trên 10 m ³ đến 20 m ³	8.500
	Từ trên 20 m ³ đến 30 m ³	10.000
	Trên 30 m ³	12.800
Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể	Theo thực tế sử dụng	9.500
Đơn vị sản xuất vật chất	Bán trực tiếp (theo thực tế sử dụng)	11.500
	Bán qua đồng hồ tổng (theo thực tế sử dụng)	10.300
Đơn vị kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	17.800
Giá thỏa thuận theo dự án (nước thô)	Theo thực tế sử dụng	4.500

Giá trên chưa có thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

Điều 2. Đối tượng sử dụng nước

1. Nước sinh hoạt của hộ dân cư (nước sinh hoạt tự gia):

a) Các hộ dân cư sử dụng nước máy cho mục đích sinh hoạt theo từng hộ gia đình, cho từng đồng hồ đo nước đã ký hợp đồng sử dụng nước với đơn vị cấp nước.

b) Các đối tượng sử dụng đồng hồ phụ qua đồng hồ chính đã được đơn vị cấp nước chấp thuận đủ điều kiện là hộ phụ.

c) Người lao động, học sinh, sinh viên đang ở trong phòng trọ, nhà cho thuê với điều kiện phải có Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác hợp lệ và phải có hợp đồng thuê nhà với hộ chính từ 12 tháng trở lên. Mỗi người được hưởng tiêu chuẩn bằng ¼ hộ chính, giá tính theo mức sử dụng lũy tiến tăng dần tương ứng.

2. Cơ quan hành chính, sự nghiệp và các đoàn thể:

a) Các đơn vị lực lượng vũ trang, công an.

b) Bệnh viện, trường học.

c) Các cơ quan, đoàn thể, cơ sở tôn giáo.

d) Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác.

3. Đơn vị sản xuất vật chất:

a) Các khu công nghiệp, khu chế xuất.

b) Các cơ sở, đơn vị sản xuất, chế biến, gia công.

c) Các cơ sở chăn nuôi, xử lý chất thải, lò thiêu.

d) Nước phục vụ cho công trình xây dựng.

đ) Các nhà máy sản xuất điện.

4. Kinh doanh, dịch vụ:

a) Các khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, kinh doanh ăn uống, giải khát.

b) Các cơ sở thẩm mỹ, giặt ủi, các khu vui chơi giải trí.

c) Các khu chợ, siêu thị, đại lý, cửa hàng thương mại.

d) Đổ nước cho tàu thuyền, xe bồn, dịch vụ rửa xe.

đ) Các cơ quan kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh điện, bưu chính, viễn thông, ngân hàng.

e) Các đơn vị sản xuất kinh doanh nước đá, rượu, bia, kem, nước giải khát.

5. Đối tượng khác:

Ngoài 04 đối tượng trên, Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Đồng Nai được áp dụng giá trên cơ sở thỏa thuận giữa doanh nghiệp cấp nước với khách hàng theo từng đối tượng dự án đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 20/6/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó văn phòng;
- Lưu: VT, KT.

@ĐiềnKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc